

UNIVERSITY AUTOMATICAL CAPACITY AND SOCIAL RESPONSIBILITIES OF UNIVERSAL EDUCATION INSTITUTIONS IN VIETNAM TODAY

Nguyen Van Bao, Vu Thi Hang*

Hanoi University of Civil Engineering

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 16/8/2023</p> <p>Revised: 30/11/2023</p> <p>Published: 30/11/2023</p>	<p>The article is based on synthesis and analysis of articles, clarifying issues related to the implementation of autonomy and accountability at higher education institutions in Vietnam. The purpose of the study is to provide a comprehensive picture of the current capacity of autonomy and accountability in Vietnamese higher education institutions. The article uses the method of data collection, synthesis of articles, research works, investigation, collection and processing of secondary data and in-depth interview method with the research team related to the issue of university autonomy and social accountability. The research results show that, to generalize the picture of the capacity to exercise autonomy and social accountability at higher education institutions in Vietnam, the university autonomy mechanism has been piloted starting from 2014 and higher education institutions are not yet autonomous. In particular, the article provides a basis for governing bodies to assign autonomy and social accountability to each higher education institution at different levels to ensure its relevance, efficiency and feasible.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Education</p> <p>Higher education</p> <p>Higher education universities</p> <p>University autonomy</p> <p>Social accountability</p>	

NĂNG LỰC TỰ CHỦ ĐẠI HỌC VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH XÃ HỘI CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Văn Bảo, Vũ Thị Hằng*

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 16/8/2023</p> <p>Ngày hoàn thiện: 30/11/2023</p> <p>Ngày đăng: 30/11/2023</p>	<p>Bài viết trên cơ sở tổng hợp, phân tích các bài viết, làm rõ các vấn đề liên quan đến việc thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Mục đích nghiên cứu cung cấp bức tranh toàn diện về năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Bài viết sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu, tổng hợp các bài viết, công trình nghiên cứu, điều tra thu thập xử lý số liệu thứ cấp cùng phương pháp phỏng vấn sâu cùng nhóm nghiên cứu liên quan đến vấn đề tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khái quát bức tranh về năng lực thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam đã thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ đại học bắt đầu từ năm 2014 và các cơ sở giáo dục đại học chưa tự chủ. Đặc biệt, bài viết cung cấp cơ sở để các cơ quan quản lý giao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội đối với mỗi cơ sở giáo dục đại học ở các mức độ khác nhau đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả và khả thi.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Giáo dục</p> <p>Giáo dục đại học</p> <p>Cơ sở giáo dục đại học</p> <p>Tự chủ đại học</p> <p>Trách nhiệm giải trình xã hội</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8559>

* Corresponding author. Email: hangvt@huce.edu.vn

1. Giới thiệu

Tự chủ đại học là xu thế chung của các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) trên thế giới. Có nhiều công trình nước ngoài bàn về vấn đề tự chủ đại học nói chung [1], [2]..., bài viết trong nước liên quan trực tiếp [3]-[5]... Một số công trình nghiên cứu cũng cung cấp khá đầy đủ, chi tiết về năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình và bộ tiêu chí để đánh giá năng lực tự chủ ở các CSGDĐH ở Việt Nam hiện nay... [6], [7]. Ngoài ra, còn các nghiên cứu cung cấp, đề xuất bộ tiêu chí, chỉ số định hướng hệ thống và bộ tiêu chí phân loại, phân mức chất lượng CSGDĐH gồm 5 tiêu chuẩn, 14 tiêu chí [8]. Một số nghiên cứu đã đề xuất 14 tiêu chí và 75 chỉ số nhằm đánh giá năng lực tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, cung cấp công cụ cho các cơ quan quản lý nhà nước quản lý, đầu tư, giám sát một cách hiệu quả... [9].

Ngoài các đề tài nghiên cứu, cũng có nhiều hội thảo được tổ chức trao đổi, bàn luận các vấn đề tự chủ đại học là tất yếu, các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp để thực hiện tự chủ đại học... được tổng hợp thành sách [10], [11]. Gần đây nhất là Hội thảo khoa học quốc gia “Tự chủ đại học trong quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học: kết quả, bài học kinh nghiệm và những yêu cầu trong giai đoạn mới” do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, tại Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04/ 2023.

Chuẩn bị tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, những vấn đề được đề cập trong bài viết này được thu thập từ các nguồn tài liệu, tổng hợp từ thực tiễn triển khai tự chủ đại học đối với các cơ sở đã thí điểm tự chủ và chưa tự chủ thời gian qua, hy vọng sẽ đóng góp một phần ý tưởng, đề xuất cơ sở, một số gợi ý về tự chủ và trách nhiệm giải trình trong giáo dục đại học với các cơ quan quản lý liên quan trong nghiên cứu, xây dựng, hoạch định và thực thi chính sách nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình thực hiện chuyển đổi số ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu, tổng hợp các bài viết, công trình nghiên cứu, điều tra thu thập xử lý số liệu thứ cấp cùng phương pháp phỏng vấn sâu cùng nhóm nghiên cứu liên quan đến vấn đề tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình xã hội. Bài viết dựa vào việc tổng quan tư liệu: 1) Rà soát các văn bản, chính sách về GDĐH và tự chủ đại học. 2) Tổng hợp hơn 30 bài viết, công trình nghiên cứu và phân tích các vấn đề lí luận; các nghiên cứu về tự chủ đại học, trách nhiệm giải trình của các cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam; Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách giáo dục đại học liên quan; chủ trương, chính sách đổi mới GDĐH, vấn đề tự chủ, trách nhiệm giải trình đối với các lĩnh vực giáo dục đại học, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản trong các cơ sở giáo dục đại học; 3) Phân tích các nghiên cứu và kết quả công bố trước đây về tự chủ thí điểm đại học, các nghiên cứu về Nghị quyết 77, Luật giáo dục đại học (2018), các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan đến thực hiện tự chủ đại học, trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH; 4) Tập hợp các bài viết từ các nguồn về vấn đề tự chủ đại học, trách nhiệm giải trình cơ sở GDĐH... Từ đó, phân tích, đánh giá, tổng hợp phân tích kết quả của các công trình nghiên cứu về thực trạng năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình của các CSGDĐH ở Việt Nam, thấy được bức tranh khi thực hiện tự chủ đại học hiện nay, đề tiếp tục nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở giáo dục đại học theo Luật Giáo dục đại học (2018) hiệu quả.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Năng lực tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình xã hội

3.1.1. Năng lực tự chủ đại học

Có nhiều tác giả, bài viết bàn về tự chủ đại học [1]-[3], [7], tự chủ đại học được mỗi quốc gia hiểu theo nhiều cách khác nhau, tùy theo góc độ tiếp cận và nhận thức về vai trò của Nhà nước về

giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Tuy nhiên, tự chủ đại học được nhìn nhận theo hai khía cạnh: Một là, các cơ sở giáo dục đại học thoát ra khỏi sự kiểm soát, hạn chế của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như sự can thiệp của chính trị; Hai là, các cơ sở giáo dục đại học có quyền tự do đưa ra các quyết định về cách thức quản lý, tổ chức hoạt động cũng như việc thực hiện mục tiêu sứ mạng của mình. Theo Luật Giáo dục Đại học (Luật bổ sung, sửa đổi một số điều năm 2018) đã nêu rõ “Quyền tự chủ là quyền của cơ sở giáo dục đại học được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và các hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học” [12]. Đồng thời, quyền tự chủ đại học bao gồm 03 thành tố chính: (1) quyền tự chủ trong học thuật và hoạt động chuyên môn, (2) quyền tự chủ trong tổ chức và nhân sự và (3) quyền tự chủ trong tài chính và tài sản.

Năng lực tự chủ đại học là những thuộc tính, khả năng của các CSGDDH thoát ra khỏi sự kiểm soát, hạn chế của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như sự can thiệp của chính trị hoặc có quyền tự do đưa ra các quyết định về các thức quản lý, tổ chức hoạt động cũng như việc thực hiện mục tiêu sứ mạng của mình. Do đó, để thực hiện thành công quyền tự chủ, các cơ sở GDĐH cần thể hiện các năng lực sau: năng lực quản trị bộ máy tổ chức, nhân sự; năng lực về tài chính và tài sản; năng lực về chuyên môn học thuật và nghiên cứu khoa học. Vấn đề quan trọng là việc xác định xem cơ sở giáo dục nào xứng đáng được trao quyền tự chủ và có năng lực tự chủ để đảm bảo và nâng cao chất lượng? Những điều kiện cần để các CSGDDH được giao quyền tự chủ là gì? Cần phải có trách nhiệm giải trình về chất lượng, hiệu quả hoạt động như thế nào để thỏa mãn yêu cầu của các bên liên quan. Năng lực thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cần phải phản ánh được đồng bộ năng lực “bên ngoài” (phản ánh cơ chế tương tác giữa nhà trường với các chủ thể khác), và năng lực “bên trong” (phản ánh cơ chế tương tác giữa các chủ thể trong nhà trường) [9].

Năng lực thực hiện tự chủ của cơ sở GDĐH còn cần phải được thể hiện qua việc xây dựng cơ chế quản trị nhà trường phù hợp, hiệu quả, theo hướng hiện đại. Vận dụng đúng đắn, hợp lý, hiệu quả các nguyên tắc và công cụ cung cấp dịch vụ công trong giáo dục và cơ chế thị trường trong quản trị - vận hành nhà trường; thực hiện sự cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ giáo dục - đào tạo đại học.

3.1.2. Trách nhiệm giải trình xã hội

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học 2018 quy định rõ, “Trách nhiệm giải trình là việc cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm báo cáo, minh bạch thông tin đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý, chủ sở hữu và các bên liên quan về việc tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện đúng các quy định, cam kết của cơ sở giáo dục đại học” [12]. Như vậy, trách nhiệm giải trình của một CSGDDH được hiểu khái quát là: Trách nhiệm về tính công khai, minh bạch trong các hoạt động của nhà trường về các nội dung tự chủ đối với cả “bên trong” và “bên ngoài”; trách nhiệm về kết quả, hiệu quả, chất lượng các hoạt động và sản phẩm, dịch vụ do nhà trường cung cấp; trách nhiệm tuân thủ các quy định của Nhà nước và quy chế hoạt động của trường cả về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức - biên chế - nhân sự, và về công tác tài chính. Năng lực thực hiện trách nhiệm giải trình được hiểu là năng lực về con người, về tổ chức, về công cụ hỗ trợ trong cơ sở giáo dục để thực hiện tốt trách nhiệm giải trình.

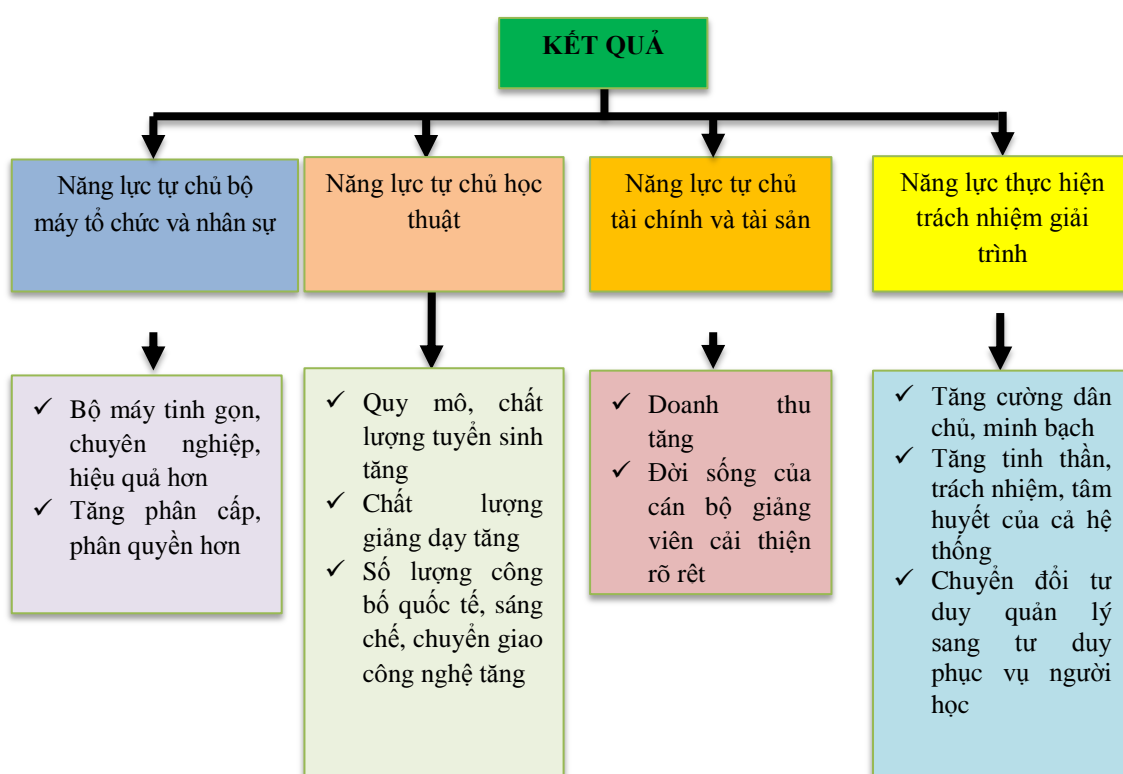
Các CSGDDH cần có năng lực thực hiện đầy đủ nhưng đồng thời công khai minh bạch trách nhiệm giải trình đối với các cơ quan quản lý nhà nước, người học, xã hội. Năng lực thực hiện trách nhiệm giải trình được hiểu là năng lực về con người, về tổ chức, về công cụ hỗ trợ trong cơ sở giáo dục để thực hiện tốt trách nhiệm giải trình. Cùng với sự mở rộng của quyền tự chủ, phát huy năng lực tự chủ của các CSGDDH cần nâng cao trách nhiệm giải trình nhằm đảm bảo tính minh bạch trong quá trình hoạt động. Nếu thiếu trách nhiệm giải trình không thể đánh giá, phát huy năng lực tự chủ của mỗi CSGDDH. Việc đánh giá năng lực thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH được xây dựng ở ba cấp độ gồm: cấp nhà trường, cấp bộ phận, và cấp

cá nhân. Mỗi một CSGDDH có những điều kiện, đặc thù riêng, do đó khi năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội của mỗi CSGDDH phụ thuộc vào nhiều yếu tố cả bên ngoài và bên trong, khách quan và chủ quan.

3.2. Thực trạng năng lực tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Năng lực tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở giáo dục đại học đã thi điểm tự chủ

Sau gần 10 năm kể từ khi thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với một số cơ sở giáo dục đại học công lập, nhìn chung một số CSGDDH nhóm này đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực: Tài chính và tài sản; Lĩnh vực học thuật và hoạt động chuyên môn; Bộ máy tổ chức và nhân sự (**Hình 1**).



Hình 1. Kết quả thực hiện tự chủ đại học của các CSGDDH tốt nhất ở Việt Nam (Nguồn: [9])

Cụ thể, về bộ máy tổ chức và nhân sự, nổi bật là quy mô đội ngũ giảng viên ở các cơ sở giáo dục đại học ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng. Theo nguồn khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ tiến sĩ ngày càng tăng (31%) năm 2021 [14], số lượng và chất lượng công bố quốc tế ngày càng cao.

Về hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học, thành quả lớn nhất của một số CSGDDH đã được ghi nhận (**Hình 2**). Việt Nam đã có các cơ sở được xếp hạng trong các hệ thống xếp hạng chất lượng như: Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQGTPHCM), Đại học Bách Khoa Hà Nội (ĐHBKHN), Trường Đại học Tôn Đức Thắng (ĐHTĐT) và Trường Đại học Duy Tân (ĐHDT).

KẾT QUẢ XẾP HẠNG CỦA QS, WEBOMETRICS, THE

Xếp hạng	2021	2022	Thứ hạng
	(Tên cơ sở GDĐH)	(Tên cơ sở GDĐH)	
1. QS	1. ĐHQGHN 2. ĐHQGTPHCM	1. ĐHQGHN 2. ĐHQGTPHCM 3. Trường ĐHTĐT 4. Trường ĐHBKHN	801 – 1000 801 – 1000 1001 – 1200 1201+
2. Webo metrics	ĐHQGHN		959
3. THE		1. Trường ĐHTĐT 2. Trường ĐH Duy Tân	401 – 500 401 – 500
		3. ĐHQGHN 4. ĐHQGTPHCM	1001 – 1200 1001 – 1200
		5. Trường ĐHBKHN	1201+
	1. ĐHQGHN 2. ĐHQGTPHCM		801 – 1000

Hình 2. Kết quả xếp hạng của QS, Webometrics, The năm 2021, 2022

Những năm gần đây, số lượng công bố quốc tế của Việt Nam tăng lên đáng kể nhưng so với các nước Đông - Nam Á, vẫn còn khoảng cách khá xa. Bên cạnh các đề tài khoa học, số lượng công bố quốc tế, hội thảo trong và nước ngoài, các bằng độc quyền và giải pháp hữu ích cũng tăng đáng kể. Bằng sáng chế là một thành tựu nghiên cứu khoa học quan trọng. Tính đến 30/7/2023, cả hệ thống có 183 CSGDDH công nhận đạt tiêu chuẩn giáo dục trong nước, có 09 trường đại học được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của Hội đồng cấp cao về đánh giá nghiên cứu và GDĐH Pháp (HCERES) và ASEAN University Network - Quality Assurance (AUN-QA), Quỹ Kiểm định Các chương trình Quản trị Kinh doanh Quốc tế (Foundation for International Business Administration Accreditation - FIBAA) là một tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục danh giá của chính phủ Thụy Sĩ [15].

Về tài chính và tài sản, thu nhập của các CSGDDH, năng lực tự chủ trong hoạt động tài chính và tài sản thể hiện qua nguồn thu, chi của Trường. Hiện nay [14], có 32,76% trường đại học đã tự bảo đảm chi thường xuyên. Về mức độ tự chủ tài chính, đến thời điểm năm 2023: 32,76% trường đại học đã tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), 13,79% số lượng trường đã tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), số trường chưa bảo đảm chi thường xuyên nhưng có kế hoạch trong thời gian sắp tới chiếm khoảng 16,38%. Nguồn thu của các Trường bao gồm thu sự nghiệp, từ ngân sách cấp và thu dịch vụ. Thực tế cho thấy, nguồn thu của các trường đại học hiện nay vẫn là tăng do quy mô đào tạo, chưa huy động được các nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ chuyển giao khoa học công nghệ và dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo theo hợp đồng cho các tổ chức và cá nhân trong nước...

Một số trường đại học được tự chủ về mức chi nhưng tự chủ về thu chưa tương xứng, dẫn tới hiệu quả của việc thực hiện tự chủ không hơn là bao so với không tự chủ. Trong thời gian dài, do bị khống chế về trần học phí, mức trần học phí thường thấp, thu không đủ chi, cho nên một số cơ sở giáo dục đại học công lập ban hành khoản thu ngoài quy định, dẫn đến thiếu công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn thu, tuyển sinh quá chỉ tiêu, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, quyết toán trong kinh phí đề tài. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các CSGDDH tiếp tục thực hiện nghiêm Chi thị số 1048/CT-BGDĐT ngày 28/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo...

Hiện nay, hệ thống trường đại học Việt Nam còn nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực, nên gặp nhiều khó khăn trong việc đa dạng hóa nguồn thu, đặc biệt nguồn thu và gia tăng nguồn thu chủ yếu vẫn chỉ tập trung vào học phí [6]. Do đó, việc Nhà nước cắt giảm hoàn toàn nguồn ngân sách tài trợ sẽ tạo ra những khó khăn rất lớn cho trường đại học trong việc duy

trì quá trình hoạt động ổn định. Tuy nhiên, đối với nhóm trường đã tự chủ trên 5 năm thì phần lớn đều có những nguồn thu đa dạng đảm bảo chi thường xuyên và tiến tới chi đầu tư.

Nguồn ngân sách tài trợ của Chính phủ vẫn đóng vai trò quan trọng đối với các trường đại học, bởi lẽ nguồn ngân sách này tạo nền tảng vững chắc để trường đại học chuyển dần sang mô hình tự chủ tài chính. Điển hình là các quốc gia trên thế giới, dù đã triển khai tự chủ tài chính từ những năm 1980, nhưng đến nay vẫn duy trì nguồn ngân sách Nhà nước để hỗ trợ một phần cho các trường đại học. Nghị định 81/2021/NĐ - CP (27/8/2021) mới nhất quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phần nào Chính phủ đã nói lỏng các quy định về tài chính cho trường đại học, cho phép hoạt động theo một cơ chế như một doanh nghiệp.

Về tài chính thể hiện ở chính sách đãi ngộ, tài chính, thu nhập tăng thêm của cán bộ viên chức, giảng viên và người lao động. Đối với 23 trường tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP, trong giai đoạn 2018-2021, thu nhập giảng viên tăng trung bình 26,1%; thu nhập cán bộ quản lý tăng trung bình 24,5% [14]. Đây là vấn đề được quan tâm nhất đối với các trường tự chủ vì đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức là nòng cốt thực hiện mọi hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học ở nhà trường. Bài toán tự chủ về tài chính, chính sách đãi ngộ khi các trường tự chủ xem xét theo từng khối ngành, trong từng trường phụ thuộc vào từng ngành. Tuy nhiên, các CSGDDH luôn phải đảm bảo chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài xứng đáng với chất xám của đội ngũ cán bộ viên chức bỏ ra.

Bên cạnh tự chủ về tài chính, tài sản; về học thuật và hoạt động chuyên môn; về bộ máy tổ chức và nhân sự; thì tự chịu trách nhiệm là một trong những nội dung mới được quy định trong Luật Giáo dục đại học (bổ sung, sửa đổi một số điều năm 2018). Trên thực tế, trách nhiệm giải trình được nhóm các trường tự chủ đang triển khai trên hệ thống trang điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các lĩnh vực tài chính, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trên thực tế, quá trình tự chủ của các CSGDDH gặp không ít khó khăn nhưng đến nay, các trường đã tự chủ trên 5 năm đều nằm trong số các đơn vị có quy mô tuyển sinh, chất lượng đào tạo, doanh thu tài chính và đời sống cán bộ giảng viên thuộc nhóm cao nhất trong cả nước. Nhìn chung, các trường đã từng bước xây dựng được hệ thống tổ chức tinh gọn, hiệu quả và đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin-truyền thông hiện đại, tiên tiến. Các CSGDDH trên đều là những cơ sở dễ tuyển sinh, có khả năng cao thu hút người học, nhất là ở các chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, tài năng hay chương trình liên kết quốc tế và đều cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư.

Tuy nhiên, ngay trong nhóm CSGDDH cũng có sự khác biệt nhất định về mức độ tự chủ, giữa các CSGDDH thuộc tổ chức xã hội/ngành/địa phương với các CSGDDH trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở khảo sát, có sự khác nhau đáng kể về quyền tự quyết, tự chịu trách nhiệm ở một số lĩnh vực hoạt động chủ yếu giữa hai trường hợp được khảo sát là: Một trường đại học thuộc sự quản lý trực tiếp của tổ chức xã hội/ngành và một trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tuy cùng triển khai thực hiện Nghị quyết 77/NQ-CP, song CSGDDH trực thuộc tổ chức xã hội/ngành còn bị ràng buộc, bị phụ thuộc nhiều vào các quyết định của cơ quan chủ quản trong một số lĩnh vực hoạt động mà lẽ ra CSGDDH được quyền tự quyết. Điều này có thể lý giải từ các góc độ: có thể do tâm thế của các CSGDDH chưa sẵn sàng tiếp nhận quyền tự quyết và tự chịu trách nhiệm của mình; có thể do ảnh hưởng của tâm lý xin-cho từng tồn tại nhiều năm trước; cũng có thể do chính các tổ chức xã hội, ngành, địa phương chưa muốn cởi bỏ cho các trường khi thực hiện cơ chế tự chủ.

3.2.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam chưa thực hiện tự chủ

Hiện nay, những điều kiện để thực hiện tự chủ đối với các trường đại học chưa thực hiện tự chủ theo Nghị quyết 77 ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn; do đặc thù đào tạo ngành nghề truyền

thống, ở các địa phương, các vùng, miền, các trường không phát huy được hết thế mạnh vốn có; khả năng cạnh tranh giữa các trường đại học bị hạn chế; tuyển sinh khó khăn, không đủ chỉ tiêu dẫn đến kinh phí hạn hẹp, đặc biệt không tạo nên “động lực” để thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở đào tạo đại học tại Việt Nam. Việc hội nhập và hợp tác quốc tế trong giáo dục của các trường đại học Việt Nam đã khó khăn, thì đối với nhóm các trường này thì càng gặp nhiều trở ngại hơn, bởi đa số các đối tác quốc tế đều thực hiện tự chủ thành công, đặc biệt là các trường đại học lớn đến từ các quốc gia tiên tiến đã tiến hành tự chủ từ lâu.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy còn nhiều cơ sở chưa có chuyển biến về chất lượng đào tạo; sinh viên còn thiếu kỹ năng; tỷ lệ tuyển sinh ở một số trường thấp... nguyên nhân cơ bản là do nhiều trường vẫn quen được ngân sách “nuôi”, khi thực hiện tự chủ còn lúng túng (theo Giáo sư Trần Đức Viên, Chủ tịch Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam), do hệ thống quy định về tự chủ chưa đồng bộ, nên khó khăn khi thực thi (theo Phó Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Thị Lan Anh, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội). Một số trường chỉ chú trọng đến vấn đề tự chủ tài chính, bằng mọi giá tăng nguồn thu từ học phí, bỏ qua trách nhiệm xã hội, làm giảm cơ hội học tập của những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn...

Tóm lại, các dữ liệu về năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất và tài chính của các cơ sở giáo dục trong nhóm đại học công lập ở nhóm này càng làm rõ hơn về tính phân tầng, phân lớp giữa các cơ sở giáo dục đối với việc thực hiện tự chủ. Về năng lực thực hiện tự chủ có thể thấy rõ sự hình thành 3 lớp cơ sở giáo dục thuộc nhóm đại học công lập này:

Nhóm thứ nhất, bao gồm những cơ sở giáo dục đang dần tiệm cận nhóm cơ sở giáo dục đang thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ theo Nghị quyết 77/QĐ-CP, đây phần lớn là những cơ sở giáo dục đại học được hình thành khá sớm, có đội ngũ cán bộ giảng viên mạnh, có truyền thống trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, có hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, có khả năng tuyển sinh, có nguồn thu tài chính phong phú, đảm bảo kinh phí cho chi thường xuyên và một phần cho chi đầu tư, ít dựa vào ngân sách nhà nước.

Nhóm thứ hai, gồm đa số các cơ sở giáo dục đã hình thành đội ngũ cán bộ giảng viên đủ mạnh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng cho sự phát triển của trường, có hệ thống cơ sở vật chất khá hoàn thiện, đồng bộ và hiện đại, tự đảm bảo được kinh phí cho chi thường xuyên.

Nhóm thứ ba, gồm các trường mà năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên còn hạn chế, số giảng viên có trình độ tiến sĩ thấp, hệ thống cơ sở vật chất chật hẹp, thiếu đồng bộ, có tính chấp vá và về tài chính thì chưa đảm bảo được kinh phí cho chi thường xuyên. Lớp này có khả năng sáp nhập với các cơ sở giáo dục đại học khác có cùng chương trình đào tạo.

Có thể nói, nhóm các CSGDDH này bao gồm các CSGDDH chịu sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các bộ, ngành, các tổ chức chính trị xã hội và các địa phương chưa thực hiện hoặc chưa đủ điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP. Điểm chung của nhiều cơ sở giáo dục đại học này là không có truyền thống lâu đời, mới thành lập hoặc mới được nâng cấp từ các trường cao đẳng, được nuôi dưỡng một phần hoặc chủ yếu bằng ngân sách Nhà nước mà trực tiếp từ cơ quan chủ quản là các bộ, ngành, tổ chức chính trị xã hội hoặc địa phương. Bên cạnh chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều CSGDDH còn chịu sự quản lý trực tiếp của các bộ, ngành, tổ chức xã hội và địa phương. Khi mới thành lập đa số là các trường đại học đơn ngành, song do nhu cầu của xã hội, sức ép của việc tuyển sinh... nên các trường đều có xu hướng mở rộng đào tạo sang các lĩnh vực ngành nghề khác liền kề có sức thu hút người học hơn. Ngoại trừ một số CSGDDH có tính đặc thù hoặc đã nhanh chóng mở rộng các lĩnh vực ngành nghề đào tạo, ở các thành phố lớn dễ tuyển sinh, còn đối với một bộ phận đáng kể các CSGDDH này là công tác tuyển sinh ngày càng trở lên khó khăn hơn. Một số cơ sở giáo dục nhóm này đã tự chủ tài chính đảm bảo cho chi thường xuyên và chi đầu tư, một số cơ sở đã tự chủ tài chính đảm bảo cho chi thường xuyên và một số khác mới tự chủ tài chính đảm bảo một phần cho chi thường xuyên.

Các cơ chế giải trình của các CSGDDH Việt Nam đang sử dụng hiện nay bao gồm: cấp phép, kiểm định, thanh tra, báo cáo, hội đồng trường, kiểm toán, cấp ngân sách theo kết quả, cho phép

thời học với tín chỉ chuyển đổi và học bổng, học phí. Mỗi một cơ chế giải trình được sử dụng nhằm hướng tới một hoặc nhiều nhóm đối tượng như Chính phủ, cộng đồng, sinh viên hoặc phụ huynh ở các khía cạnh khác nhau. Trách nhiệm giải trình của các CSGDDH công lập được đề cập lần đầu tiên trong Luật giáo dục năm 1998, hiện nay các quy định về kiểm định chất lượng, “ba công khai” là tiền đề để các cơ quan chính phủ cũng như xã hội kiểm tra và giám sát hoạt động của các CSGDDH công lập trên các phương diện như đào tạo, nghiên cứu khoa học hoặc tài chính, nhân sự. Tính đến 31/8/2023, có 241 CSGDDH hoàn thành báo cáo tự đánh giá (ở chu kỳ 1), 97 CSGD ĐH (ở chu kỳ 2); số lượng CSGD được đánh giá ngoài và được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng là 185 CSGD ĐH (chu kỳ 1), 60 CSGD ĐH (chu kỳ 2) [15].

Tóm lại, trách nhiệm giải trình xã hội ở các CSGDDH Việt Nam hiện nay còn nhiều vấn đề bất cập: cơ sở hạ tầng, dữ liệu số hóa chưa đồng bộ, mô hình quản trị chưa hiệu quả, phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng, các văn bản, chính sách chưa kịp thời, đồng bộ...

4. Kết luận

Bài viết này đã tổng hợp các bài viết, kết quả của nhiều công trình nghiên cứu đều khẳng định việc thực hiện tự chủ của các CSGDDH ở Việt Nam đang là vấn đề được xã hội quan tâm, từng bước được hiện thực hóa. Kết quả của bài viết cho thấy quá trình thực hiện tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình đã đạt được những kết quả đáng kể, nhưng bên cạnh đó còn nhiều khó khăn, cả về khách quan và chủ quan. Do đó, bài viết cho rằng để việc thực hiện tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình xã hội của các CSGDDH hiệu quả, cần có sự vào cuộc của nhiều chủ thể.

Các bộ, ngành tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn, các tiêu chí đánh giá năng lực, mức độ và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị được giao tự chủ nhằm tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các tiêu chuẩn, định mức và mở rộng lĩnh vực giao quyền tự chủ cho các đơn vị.

Các trường cần tiếp tục đổi mới toàn diện, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ mang tính chi tiết, đảm bảo tính công khai, dân chủ và công bằng; Xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của từng người lao động. Trong đó, chú trọng giải pháp chi trả thu nhập theo hiệu quả công việc, khuyến khích, hấp dẫn, thu hút người có năng lực, có trình độ. Các trường đại học công lập được chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng phù hợp với đặc thù của đơn vị, góp phần tiến tới quản lý hoạt động của đơn vị theo đầu ra, giảm dần việc quản lý theo các yếu tố đầu vào theo cơ chế quản lý tài chính công của Đảng và Nhà nước.

Đặc biệt là phải xây dựng được chiến lược tài chính hợp lý cho đầu tư cơ sở vật chất trong ngắn hạn và dài hạn; Coi trọng và tích cực tìm kiếm, thu hút nguồn lực tài chính từ các nguồn dự án, nguồn vốn viện trợ nước ngoài. Cùng với đó, các trường cần xây dựng bộ máy, các chuyên gia, chuyên viên thực hiện các hoạt động tham mưu cho Ban Giám hiệu về nội dung, biện pháp thực hiện, cung cấp các thông tin, các phương án lựa chọn để người lãnh đạo có thể ban hành các quyết định kịp thời, cần thiết. Bài viết cho rằng, một trong những yếu tố then chốt để thực hiện tự chủ đại học và phát triển các CSGDDH có chất lượng để hội nhập quốc tế là tạo môi trường để phát huy tối đa năng lực sáng tạo và cống hiến của đội ngũ trí thức trong các CSGDDH hiện nay (cả nội lực và ngoại lực)/.

Lời cảm ơn

Công trình nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ “Xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam” (Mã số nhiệm vụ: KHGD/16-20.ĐT.044), Đề tài thuộc “Chương trình Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] European University Association (EUA), *University Autonomy in Europe III - Country Profiles, Brussels*. Belgium, 2017, pp. 6-13, 202-216.

-
- [2] L. Wang, "Higher Education Governance and University Autonomy in China, Globalisation, Societies and Education," *Routledge*, vol. 8, no. 4, pp. 477-495, November 2010.
- [3] T. L. Bui, "Sketching the current picture of university autonomy," *Journal of integration development* vol. 3, no. 13, pp. 71-75, 2013.
- [4] N. H. Le, "University autonomy is a development trend in fundamental and comprehensive innovation in education," *Journal of Political Theory*, no. 10, pp. 64-71, 2018.
- [5] N. H. Le, "Renovation of university governance in Vietnam: System theory and professional modern model building," *Journal of Political Theory*, no. 03, pp. 46-52, 2019.
- [6] T. T. Dao and T. T. H. Pham, *University autonomy and accountability in Vietnam*. Hanoi National University Publishing Company, 2020, p. 37.
- [7] V. B. Nguyen, T. H. Vu, and T. M. H. Dang, "Proposing a framework of criteria for assessing the capacity to exercise university autonomy and social accountability of Vietnamese higher education institutions," *Journal of Educational and Social*, vol. 128, no. 189, pp. 12-18, 2021.
- [8] M. S. Hoang, "Scientific basis of planning the network of Vietnamese higher education institutions," Ministry of Education and Training, Code: KHGD/16-20.ĐT.021, 2020.
- [9] V. B. Nguyen, "Building a set of indicators to assess the autonomy and social accountability of Vietnamese higher education institutions," Code: KHGD/16-20.ĐT.044, Subject of "Research and development program of educational science to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of Vietnamese education," Ministry of Science and Technology, 2022.
- [10] Vietnam Association of Universities and Colleges, University autonomy, *Opportunities and Challenges*. Publisher of Information and Communication, 2017.
- [11] Vietnam Association of Universities and Colleges, University autonomy, *University autonomy. and social responsibility of higher education universities*. Publisher of Information and Communication, 2017.
- [12] Congress, *Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Higher Education*, No.34/2018/QH14, 2018, p. 66.
- [13] *English - Vietnamese Dictionary*. Social Science Publishing House, Hanoi, 1995.
- [14] H. Hanh, "Impressive figures on university autonomy," October 16, 2022. [Online]. Available: <https://daibieunhandan.vn/giao-duc--y-te1/nhung-con-so-an-tuong-ve-tu-chu-dai-hoc--i303839/>. [Accessed June 16, 2023].
- [15] Ministry of Education and Training, "List of educational institutions recognized to meet educational quality standards," July 2023. [Online]. Available: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=8706>. [Accessed August 08, 2023].